**THUỐC VIÊN (TT)**

**11. Máy dập viên kiểu xoay tròn còn có tên gọi khác là:**

a. Máy xoay tròn và máy dập liên tục

b. Máy tiến lui và máy một chày

c. Máy dập viên và máy ép viên

d. Máy dập thẳng và máy dập liên hoàn.

e. Máy nhiều trạm.

**12. Máy dập viên kiểu xoay tròn được ưa chuộng trong phạm vi**

a. Nghiên cứu.

b. Sản xuất thử nghiệm, lô mẻ nhỏ

c. Sản xuất nhỏ.

d. Sản xuất lớn, đại trà.

e. Sản xuất ở mọi cấp độ, quy mô.

**13. Máy dập viên kiểu tâm sai được ưa chuộng trong phạm vi:**

a. Nghiên cứu, thử nghiệm và sản xuất nhỏ.

b. Sản xuất viên dập thẳng.

c. Sản xuất viên khối lượng nhỏ, dưới 100 mg.

d. Sản xuất lớn, đại trà.

e. Sản xuất ở mọi cấp độ, quy mô.

**14. Viên nén đơn giản nhất thường có:**

a. Hình trụ, mặt lồi.

b. Hình trụ, vát góc và có khắc vạch trên bề mặt.

c. Hình trụ dẹt.

d. Hình con nhộng (caplet).

e. Hình tam giác và có logo.

**15. Viên nén có khối lượng lớn 1,5 - 3,5g thường là để:**

a. Ngậm.

b. Đặt dưới lưỡi.

c. Để tiêm.

d. Uống như viên sủi bọt.

e. Để nuốt trọn, không được bẻ viên.

**16. Thời gian rã của thuốc viên nén thông thường, để uống phải trong vòng**:

a. 15 phút.

b. 30 phút.

c. 45 phút.

d. 60 phút.

e. 120 phút.

**17. Độ hoà tan hoạt chất của viên nén là:**

a. Hàm lượng hoạt chất của chế phẩm ghi trên nhãn.

b. Tỷ lệ % hoạt chất hoà tan trong môi trường thử nghiệm so với hàm lượng thuốc ghi trên nhãn trong điều kiện quy định.

c. Khối lượng của chế phẩm.

d. Độ đồng đều hàm lượng hoạt chất của chế phẩm.

e. Độ đồng đều khối lượng của chế phẩm.

**18. Kết quả thử độ hoà tan, giải phóng hoạt chất của viên nén (trong ống nghiệm), có thể gián**

**tiếp đánh giá:**

a. Hàm lượng hoạt chất của chế phẩm.

b. Khối lượng của chế phẩm

c. Độ đồng đều khối lượng của chế phẩm.

d. Độ đồng đều hàm lượng của viên thử nghiệm.

e. Sinh khả dụng của chế phẩm.

**19. Theo Dược điển Việt Nam, viên nén đạt tiêu chuẩn độ đồng đều khối lượng khi:**

a. Chế phẩm có số viên quy định đáp ứng tỷ lệ % chênh lệch so với hàm lượng trung bình của mẫu thử.

b. Chế phẩm có số viên quy định đáp ứng tỷ lệ % chênh lệch so với khối lượng trung bình của mẫu thử.

c. Chế phẩm có khối lượng đáp ứng phép tính của phương trình độ lệch chuẩn S.

d. Chế phẩm có khối lượng đáp ứng phép thử do nhà sản xuất ấn định.

e. Chế phẩm có khối lượng viên không nhỏ hơn hàm lượng hoạt chất ghi trên nhãn.

**20. Theo Dược điển Việt Nam, viên nén đạt tiêu chuẩn độ đồng đều hàm lượng khi:**

a. Chế phẩm có số viên quy định đáp ứng tỷ lệ % chênh lệch so với hàm lượng trung bình của mẫu thử.

b. Chế phẩm có số viên quy định đáp ứng tỷ lệ % chênh lệch so với khối lượng trung bình của mẫu thử.

c. Chế phẩm có hàm lượng đáp ứng phép tính của phương trình độ lệch chuẩn S.

d. Chế phẩm có hàm lượng đáp ứng phép thử do nhà sản xuất ấn định.

e. Chế phẩm có hàm lượng viên không nhỏ hơn hàm lượng hoạt chất ghi trên nhãn.